

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 219/2022/DS-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đoàn Lĩnh.

Ông Nguyễn Chí Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Chí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Kim T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1967.

Ngô Thị Chúc T1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T xin vắng mặt, bà B và chị T1t vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên chị Lê Thị Kim T trình bày:

Do có quen biết nên bà B và chị T1 có hỏi vay tiền của chị. Cụ thể như sau:

Ngày 02/5/2017, bà B và chị T1 vay số tiền 7.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả là 01 tháng tính từ ngày cho vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng.

Ngày 06/6/2017, bà B và chị T1 vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận thời

gian trả là 01 tháng tính từ ngày cho vay, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,5%/tháng.

Cả hai lần vay tiền bà B có ký tên vào biên nhận cho chị, bà B chỉ trả cho chị tiền lãi 01 tháng của số tiền 7.000.000 đồng thì ngưng luôn không trả cho chị khoản tiền vốn và lãi nào nữa. Hiện tại bà B và chị T1 vẫn còn nợ chị số tiền 37.000.000 đồng. Chị đã nhiều lần yêu cầu bà B và chị T1 trả cho chị số tiền này nhưng bà B và chị T1 không chịu trả cho chị.

Nay chị yêu cầu bà B và chị T1 trả cho chị số tiền vốn 37.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 06/7/2017 cho đến ngày xét xử (tạm tính 04 năm 03 tháng là 15.662.100 đồng).

Tại phiên hòa giải chị T không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà B và chị T1 vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T đối với yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim T về việc yêu cầu bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 trả số tiền 37.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Kim T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 trả số tiền 37.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định đây là “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phương nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn chị Lê Thị Kim T có đơn xin vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T, bà B và chị T1.

[3] Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu:

Tại đơn xin vắng mặt chị Lê Thị Kim T vẫn giữ ý kiến rút yêu cầu tính lãi của số tiền 37.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T yêu cầu bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 trả số tiền 37.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chị T yêu cầu bà B và chị T1 trả cho chị T số tiền vay 37.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị T đã cung cấp cho Tòa án biên nhận nợ ngày 02/5/2017 và 06/6/2017 do bà B ký tên. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện chị T ghi ngày 04/4/2022 nộp trực tiếp ngày 20/4/2022, theo chị T trình bày thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 06/7/2017, thời hạn đã quá 03 năm hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự, buộc bà B và chị T1 trả cho chị T số tiền vốn 37.000.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu bà B và chị T1 trả tiền lãi.

[4.3] Về thời gian trả tiền: Chị T yêu cầu bà B và chị T1 trả cho chị T số tiền 37.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở vì bà B và chị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và nợ tiền của chị T làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bà B và chị T1 trả cho chị T số tiền 37.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được Tòa án chấp nhận nên bà B và chị T1 phải chịu án phí theo quy định.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định pháp luật tố tụng và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 166, Điều 357, Điều 429, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T đối với yêu cầu tính lãi số tiền 37.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim T.

Buộc bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim T số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 không trả số tiền trên thì hàng tháng bà B và chị T1 phải trả lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Trần Thị Ngọc B và chị Ngô Thị Chúc T1 phải liên đới chịu 1.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Kim T 1.317.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006139 ngày 20/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Báo nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Võ Thị Xuân